TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 12

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Trong số 946, chữ số 9 có giá trị là:

A. 946 **B.** 9 **C.** 900 **D.** 90

Câu 2. Kết quả của phép chia 64 : 8 là:

A. 56 **B.** 9 **C.** 7 **D.** 8

Câu 3. Gấp 28 lên 6 lần được:

A. 174 **B.** 168 **C.** 196 **D.** 34

Câu 4. Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/6 **B.** 1/2 **C.** 1/3 **D.** 1/4

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 7 kg = ……. g

A. 7000 **B.** 700 **C.** 70 **D.** 70000

Câu 6. I là trung điểm của đoạn thẳng CD. Biết CD = 14 m, độ dài đoạn CI là:

A. 14 m **B.** 28 m **C.** 7 m **D.** 12 m

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 570 + 153 = …….

b) 671 − 373 = …….

c) 239 × 3 = …….

d) 108 : 4 = …….

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 9 × 9 ……. 83

b) 1 dm ……. 9 cm

c) 7 m 3 cm ……. 793 cm

d) 1/5 của 35 ……. 1/6 của 54

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5 m = …… cm

b) 20 mm = …… cm

c) 1 dm 1 cm = …… cm

d) 5 kg = …… g

Bài 4. Tính:

a) 217 g + 354 g = …… g

b) 422 ml − 146 ml = …… ml

c) 217 mm × 2 = …… mm

d) 91 kg : 7 = …… kg

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 6 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 24 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 16 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 6. Có 72 quyển vở chia đều cho 8 bạn. Hoa được chia rồi lại được cô thưởng thêm 3 quyển. Hỏi Hoa có tất cả bao nhiêu quyển vở?

a) Mỗi bạn được chia: …… quyển

b) Hoa có tất cả: …… quyển

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 12

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	B	C	A	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 570 + 153 = 723

b) 671 − 373 = 298

c) 239 × 3 = 717

d) 108 : 4 = 27

Bài 2.

a) 9 × 9 = 81 nên điền dấu «<»

b) 1 dm = 10 cm nên điền dấu «>»

c) 7 m 3 cm = 703 cm nên điền dấu «<»

d) 1/5 của 35 là 7; 1/6 của 54 là 9 nên điền dấu «<»

Bài 3.

a) 5 m = 500 cm (vì 1 m = 100 cm)

b) 20 mm = 2 cm (vì 10 mm = 1 cm)

c) 1 dm 1 cm = 11 cm (vì 1 dm = 10 cm)

d) 5 kg = 5000 g (vì 1 kg = 1000 g)

Bài 4.

a) 571 g

b) 276 ml

c) 434 mm

d) 13 kg

Bài 5.

a) 6 × 2 = 12 (cm)

b) 24 : 2 = 12 (dm)

c) 16 : 2 = 8 (mm)

Bài 6.

Mỗi bạn: 72 : 8 = 9 (quyển)

Hoa có: 9 + 3 = 12 (quyển)